

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ THIẾT BỊ CÔNG NGHIỆP CIE1

BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

MỤC LỤC

NỘI DUNG	TRANG
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	1 - 2
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	3 - 4
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	5 - 6
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	7
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	8
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	9 - 30

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Xây dựng và Thiết bị công nghiệp CIE1 (Sau đây gọi tắt là “Công ty”) đệ trình báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc đã điều hành Công ty trong năm 2023 và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Lê Quốc Tuấn	Chủ tịch	Miễn nhiệm ngày 15/06/2023
Ông Đỗ Văn Vũ	Chủ tịch	Bổ nhiệm ngày 15/06/2023
Ông Vũ Trọng Hiến	Thành viên	
Ông Trương Minh Khôi	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 15/06/2023
Ông Tạ Đình Lân	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 15/06/2023

Ban Giám đốc và Kế toán trưởng

Ông Tạ Đình Lân	Tổng Giám đốc	
Ông Nguyễn Hùng Sơn	Phó Tổng Giám đốc	
Ông Phan Trọng Phương	Phó Tổng Giám đốc	Miễn nhiệm ngày 15/06/2023
Ông Đinh Trường Giang	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 30/06/2023
Ông Hoàng Anh Sơn	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 30/06/2023
Bà Đào Thị Liêm	Kế toán trưởng	Miễn nhiệm ngày 19/05/2023
Bà Phạm Thị Thu Trang	Phụ trách kế toán	Bổ nhiệm ngày 19/05/2023

Ban Kiểm soát

Bà Đinh Thị Huyền Trang	Trưởng ban kiểm soát	
Ông Nguyễn Phúc Thanh Sơn	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 15/06/2023
Bà Dương Thị Hà Bích	Thành viên	
Bà Đỗ Thị Phương	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 15/06/2023

CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC NIÊN ĐỘ KẾ TOÁN

Ban Giám đốc Công ty khẳng định rằng, ngoài sự kiện được trình bày tại Thuyết minh 29 phần Thuyết minh Báo cáo tài chính, không có sự kiện quan trọng nào khác phát sinh sau ngày kết thúc niên độ kế toán, có ảnh hưởng trọng yếu, yêu cầu phải điều chỉnh hoặc công bố trong Báo cáo tài chính kèm theo.

KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính kèm theo được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn UHY (UHY).

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023, phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023. Trong việc lập báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (TIẾP)

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC (TIẾP)

- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Giám đốc cam kết rằng Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán. Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật chứng khoán và Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị Công ty áp dụng đối với Công ty đại chúng tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP.

Thay mặt và đại diện cho Ban Giám đốc,



Tạ Đình Lân
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 29 tháng 3 năm 2024

Số 447/2024/UHY - BCKT

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các cổ đông, Hội đồng Quản trị, Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần Xây dựng và Thiết bị công nghiệp CIE1

Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Xây dựng và Thiết bị công nghiệp CIE1 (sau đây gọi tắt là “Công ty”) được lập ngày 29/3/2024, trình bày từ trang 05 đến trang 30, bao gồm: Bảng Cân đối kế toán tại ngày 31/12/2023 cùng với Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập, trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi.

Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Tại thời điểm 31/12/2023, Công ty trích lập dự phòng phải thu khó đòi là 22.438.126.790 đồng trên số dư phải thu ngắn hạn đã quá hạn thanh toán tại ngày 31/12/2023 là 24.713.448.790 đồng (tại ngày 01/01/2023 là 32.290.355.041 đồng). Đây là các khoản phải thu đã quá hạn từ nhiều năm trước, chúng tôi không xác định được khoản tồn thất nêu trên thực tế phát sinh vào thời điểm nào nên không đánh giá được việc trích lập khoản dự phòng phải thu này vào kết quả hoạt động kinh doanh trong năm 2023 có phù hợp hay không.

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (TIẾP)

Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ (Tiếp)

Tại thời điểm 31/12/2023, giá trị hàng tồn kho tồn đọng lâu ngày với giá trị khoảng 31 tỷ đồng (trong đó bao gồm chi phí sản xuất kinh doanh dở dang là 27,5 tỷ đồng), Công ty chưa thực hiện phân tích, đánh giá hiện trạng chi tiết của các hợp đồng, dự án, sản phẩm, vật tư, hàng hóa này để xác định giá trị thuần có thể thực hiện được cũng như chưa trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho. Các thủ tục kiểm toán thay thế chúng tôi không thực hiện được. Theo đó, chúng tôi không đánh giá được số dư, khả năng thu được lợi ích kinh tế trong tương lai, giá trị thuần có thể thực hiện được của giá trị hàng tồn kho tồn đọng này cũng như ảnh hưởng của vấn đề này đến Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023 của Công ty.

Dự án Đổi mới công nghệ sản xuất trạm trộn bê tông không thể triển khai tiếp do không đủ vốn đối ứng, chi phí tư vấn lập dự án đổi mới công nghệ đến ngày 31/12/2023 với giá trị 1.500.000.000 đồng đang được theo dõi trên khoản mục “Chi phí trả trước dài hạn”. Chúng tôi không thu thập được các kế hoạch của Công ty liên quan đến việc phê duyệt xử lý Dự án không thực hiện tiếp này.

Ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của vấn đề nêu tại đoạn “Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ”, Báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực hợp lý, xét trên những khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Xây dựng và Thiết bị công nghiệp CIE1 tại ngày 31/12/2023, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.



Phạm Gia Đạt

Phó Tổng Giám đốc

Giấy chứng nhận ĐKHNKT số:

0798-2023-112-1

Thay mặt và đại diện cho

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN UHY

Hà Nội, ngày 29 tháng 3 năm 2024

Nguyễn Văn Hải

Kiểm toán viên

Giấy chứng nhận ĐKHNKT số:

1395-2023-112-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
 Tại ngày 31/12/2023

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết	31/12/2023 VND	01/01/2023 VND
TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		154.706.407.586	182.549.133.435
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5	318.609.784	1.951.187.180
Tiền	111		318.609.784	1.951.187.180
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		31.904.572.058	45.511.127.734
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	6	53.296.513.598	53.845.036.074
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		345.812.250	203.744.400
Các khoản phải thu khác	136	7	700.373.000	511.373.000
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	8	(22.438.126.790)	(9.049.025.740)
Hàng tồn kho	140	9	122.483.225.744	134.992.299.902
Hàng tồn kho	141		122.483.225.744	134.992.299.902
Tài sản ngắn hạn khác	150		-	94.518.619
Chi phí trả trước ngắn hạn	151	11	-	3.021.669
Thuế GTGT được khấu trừ	152		-	91.496.950
TÀI SẢN DÀI HẠN	200		14.240.175.109	16.103.588.402
Tài sản cố định	220		7.383.290.698	8.841.414.231
Tài sản cố định hữu hình	221	12	7.255.290.698	8.683.414.231
- Nguyên giá	222		42.650.413.357	42.914.823.902
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(35.395.122.659)	(34.231.409.671)
Tài sản cố định vô hình	227	10	128.000.000	158.000.000
- Nguyên giá	228		2.998.068.098	2.998.068.098
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(2.870.068.098)	(2.840.068.098)
Đầu tư tài chính dài hạn	250	13	2.701.640.000	2.701.640.000
Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		2.300.000.000	2.300.000.000
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		401.640.000	401.640.000
Tài sản dài hạn khác	260		4.155.244.411	4.560.534.171
Chi phí trả trước dài hạn	261	11	4.155.244.411	4.560.534.171
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		168.946.582.695	198.652.721.837

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP)
Tại ngày 31/12/2023

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2023	01/01/2023
			VND	VND
NỢ PHẢI TRẢ	300		95.143.740.835	110.300.751.746
Nợ ngắn hạn	310		94.973.740.835	110.115.751.746
Phải trả người bán ngắn hạn	311	15	20.040.960.220	29.566.151.815
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		10.842.876.886	20.139.019.453
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	14	1.036.039.709	1.277.123.608
Phải trả người lao động	314		4.501.443.179	4.493.576.945
Chi phí phải trả ngắn hạn	315	17	60.195.137	100.354.532
Phải trả ngắn hạn khác	319	18	11.293.357.455	8.791.513.728
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	16	46.738.875.877	45.543.137.957
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		459.992.372	204.873.708
Nợ dài hạn	330		170.000.000	185.000.000
Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	16	170.000.000	185.000.000
VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		73.802.841.860	88.351.970.091
Vốn chủ sở hữu	410	19	73.802.841.860	88.351.970.091
Vốn góp của chủ sở hữu	411		60.000.000.000	60.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		60.000.000.000	60.000.000.000
Thặng dư vốn cổ phần	412		3.271.900.000	3.271.900.000
Quỹ đầu tư phát triển	418		-	17.500.000.000
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		10.530.941.860	7.580.070.091
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		21.780.070.091	5.801.051.417
- LNST chưa phân phối năm nay	421b		(11.249.128.231)	1.779.018.674
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		168.946.582.695	198.652.721.837

Hà Nội, ngày 29 tháng 3 năm 2024

Người lập

Lê Thị Hoa

Phụ trách kế toán

Phạm Thị Thu Trang



Tạ Đình Lân

KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2023	Năm 2022
			VND	VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	20	95.949.767.038	125.879.329.427
Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		95.949.767.038	125.879.329.427
Giá vốn hàng bán	11	21	84.055.393.500	113.015.633.697
Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		11.894.373.538	12.863.695.730
Doanh thu hoạt động tài chính	21	22	411.045.429	114.831.633
Chi phí tài chính	22	23	4.084.430.669	3.418.547.018
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		4.028.118.574	3.355.220.439
Chi phí bán hàng	25	24	470.416.917	541.744.313
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	24	18.919.282.739	5.803.485.772
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		(11.168.711.358)	3.214.750.260
Thu nhập khác	31		569.389.450	-
Chi phí khác	32	25	649.806.323	927.694.167
Lợi nhuận khác	40		(80.416.873)	(927.694.167)
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		(11.249.128.231)	2.287.056.093
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51		-	508.037.419
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		(11.249.128.231)	1.779.018.674
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	27	(1.875)	297

Hà Nội, ngày 29 tháng 3 năm 2024

Người lập

Lê Thị Hoa

Phụ trách kế toán

Phạm Thị Thu Trang



Tạ Đình Lân

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(Theo phương pháp trực tiếp)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01		94.082.387.704	144.659.647.394
Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hoá và dịch vụ	02		(61.346.755.274)	(109.881.342.813)
Tiền chi trả cho người lao động	03		(24.625.321.800)	(27.089.605.887)
Tiền lãi vay đã trả	04		(4.032.534.819)	(3.325.766.934)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	05		(508.037.419)	(266.535.367)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06		9.621.630.962	16.286.802.771
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07		(16.153.026.889)	(23.162.155.319)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(2.961.657.535)	(2.778.956.155)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		-	(319.680.000)
Tiền thu thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		112.200.000	-
Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		34.862.626	51.657.103
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		147.062.626	(268.022.897)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
Tiền thu từ đi vay	33		67.297.377.650	102.591.288.554
Tiền trả nợ gốc vay	34		(66.116.639.730)	(96.666.020.158)
Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35		-	-
Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		-	(3.000.000.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		1.180.737.920	2.925.268.396
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50		(1.633.856.989)	(121.710.656)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	5	1.951.187.180	2.073.613.557
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		1.279.593	(715.721)
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	5	318.609.784	1.951.187.180

Hà Nội, ngày 29 tháng 3 năm 2024

Người lập

Lê Thị Hoa

Phụ trách kế toán

Phạm Thị Thu Trang

Tổng Giám đốc



Tạ Đình Lân

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP**1.1 HÌNH THỨC SỞ HỮU VỐN**

Công ty Cổ phần Xây dựng và Thiết bị công nghiệp CIE1 (sau đây gọi tắt là “Công ty”), là doanh nghiệp được thành lập theo mô hình công ty mẹ, công ty con theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên lần thứ 1 nhiệm kỳ 2007 - 2012 của Công ty Cổ phần Xây dựng và Thiết bị công nghiệp ngày 15/03/2008. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 1903000495 ngày 09/06/2008 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Vĩnh Phúc cấp và Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần 9 số 2500303038 ngày 03/03/2022 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Hà Nội cấp. Vốn điều lệ của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh là 60.000.000.000 đồng, chia thành 6.000.000 cổ phần với mệnh giá 10.000 đồng/cổ phần.

Công ty có trụ sở chính đặt tại Lô 22+23 Khu Công nghiệp Quang Minh, thị trấn Quang Minh, huyện Mê Linh, thành phố Hà Nội.

1.2 NGÀNH NGHỀ KINH DOANH VÀ HOẠT ĐỘNG CHÍNH

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, ngành nghề kinh doanh của Công ty là:

- Trạm trộn bê tông đầm lăn công suất lớn đến 500m³/h;
- Trạm trộn bê tông lạnh công suất lớn đến 500m³/h;
- Các hệ thống làm lạnh cốt liệu phục vụ sản xuất bê tông lạnh;
- Trạm trộn bê tông thương phẩm năng suất từ 10m³/h đến 360 m³/h;
- Trạm trộn bê tông Asphalt;
- Bom bê tông năng suất từ 60m³/h đến 80 m³/h;
- Các hệ thống cân ô tô điện tử;
- Các hệ thống cân đóng bao, cân băng định lượng;
- Các dây chuyền sản xuất thiết bị đồng bộ.

Hoạt động chính của Công ty trong năm là sản xuất trạm trộn bê tông.

2. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

Năm tài chính của Công ty từ 01/01 đến 31/12 năm dương lịch.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán và trong việc lập Báo cáo tài chính này là đồng Việt Nam (VND).

3. CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023 được lập theo Chế độ kế toán Việt Nam ban hành kèm theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính về hướng dẫn Chế độ Kế toán doanh nghiệp. Thông tư số 153/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 200/2014/TT-BTC.

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Xây dựng và Thiết bị công nghiệp CIE1 đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam trong việc trình bày Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

4.1 CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

4.2 ƯỚC TÍNH KẾ TOÁN

Việc lập Báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam yêu cầu Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Xây dựng và Thiết bị Công nghiệp CIE1 phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về các khoản công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

4.3 TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm các khoản tiền, các khoản đầu tư ngắn hạn hoặc các khoản đầu tư có khả năng thanh khoản cao. Các khoản có khả năng thanh khoản cao là các khoản có khả năng chuyển đổi thành các khoản tiền xác định trong thời gian không quá 03 tháng và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị chuyển đổi của các khoản này.

4.4 HÀNG TỒN KHO

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cho việc tiêu thụ chúng.

Giá hàng xuất kho được tính theo phương pháp giá nhập trước xuất trước. Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc niên độ kế toán

4.5 CÁC KHOẢN PHẢI THU VÀ DỰ PHÒNG NỢ PHẢI THU KHÓ ĐÒI

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua - bán.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)***4.5 CÁC KHOẢN PHẢI THU VÀ DỰ PHÒNG NỢ PHẢI THU KHÓ ĐÒI (TIẾP)**

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được Công ty trích lập đối với các khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, bản cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ, doanh nghiệp đã đòi nhiều lần nhưng vẫn chưa thu hồi được, việc xác định thời gian quá hạn của khoản nợ phải thu được xác định căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua, bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên; hoặc đối với các khoản nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn và được hoàn nhập khi thu hồi được nợ.

Sự tăng hoặc giảm khoản dự phòng phải thu khó đòi tại ngày khóa sổ lập báo cáo tài chính được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

4.6 CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

Khoản đầu tư được phân loại là đầu tư vào công ty liên kết khi Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hoặc công ty liên doanh (nhà đầu tư nắm giữ trực tiếp hoặc gián tiếp từ 20% đến dưới 50% quyền biểu quyết của bên nhận đầu tư mà không có thỏa thuận khác).

Thời điểm ghi nhận ban đầu của khoản đầu tư vào Công ty liên kết là thời điểm Công ty đạt được quyền đồng kiểm soát hoặc đạt được quyền biểu quyết ảnh hưởng đáng kể đến bên nhận đầu tư.

Các khoản đầu tư vào Công ty liên kết và các khoản đầu tư dài hạn khác được phản ánh trên báo cáo tài chính của Công ty theo giá gốc (giá mua và các chi phí mua trực tiếp liên quan) trừ đi dự phòng tổn thất đầu tư. Việc lập dự phòng tổn thất đầu tư căn cứ vào giá trị khoản lỗ lũy kế trên báo cáo tài chính của công ty liên kết và có thể được hoàn nhập khi có lãi. Sự tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá đầu tư tài chính được hạch toán vào chi phí tài chính trong năm.

4.7 TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÀ KHẤU HAO TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

Tài sản cố định được phản ánh theo nguyên giá và hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình mua sắm bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tỷ lệ khấu hao được xác định theo phương pháp đường thẳng, căn cứ vào thời gian sử dụng ước tính của tài sản, phù hợp với tỷ lệ khấu hao đã được quy định tại Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/04/2013 của Bộ Tài chính về chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định. Thời gian sử dụng của tài sản ước tính như sau:

Loại tài sản	Số năm sử dụng (năm)
Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 25
Máy móc thiết bị	07 - 12
Phương tiện vận tải	10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 09
Tài sản cố định khác	04

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

4.8 CHI PHÍ ĐI VAY

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 “Chi phí đi vay”. Ngoài ra, đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

4.9 NGOẠI TỆ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được quy đổi theo tỷ giá giao dịch thực tế áp dụng tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh từ các nghiệp vụ này sẽ được hạch toán vào doanh thu hoặc chi phí trong năm tài chính.

Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc niên độ kế toán được chuyển đổi theo tỷ giá hối đoái tại ngày này, cụ thể như sau:

- Tỷ giá sử dụng để quy đổi số dư các khoản mục tài sản tiền tệ là tỷ giá mua vào tại thời điểm kết thúc kỳ kế toán của Ngân hàng Thương mại nơi doanh nghiệp thường xuyên có phát sinh giao dịch. Các khoản tiền ngoại tệ, ký quỹ gửi ngân hàng được quy đổi theo tỷ giá mua của chính ngân hàng nơi công ty mở tài khoản, ký quỹ.
- Tỷ giá sử dụng để quy đổi số dư các khoản phải trả tiền tệ là tỷ giá bán ra tại thời điểm kết thúc kỳ kế toán của Ngân hàng Thương mại nơi doanh nghiệp thường xuyên có phát sinh giao dịch.

Khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái do việc đánh giá lại số dư cuối kỳ sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm, số chênh lệch còn lại được hạch toán vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính trong kỳ.

4.10 GHI NHẬN DOANH THU, CHI PHÍ

Doanh thu được ghi nhận khi đơn vị có thể thu được các lợi ích kinh tế và có thể được xác định một cách chắc chắn. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi các rủi ro, lợi ích và quyền sở hữu hàng hóa được chuyển sang người mua; đồng thời đơn vị có thể xác định được các chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng. Thời điểm ghi nhận doanh thu thông thường trùng với thời điểm chuyển giao hàng hóa, dịch vụ, phát hành hóa đơn cho người mua và người mua chấp nhận thanh toán.

Doanh thu bán sản phẩm, hàng hóa

Doanh thu bán sản phẩm, hàng hóa được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

4.10 GHI NHẬN DOANH THU, CHI PHÍ (TIẾP)*Doanh thu cung cấp dịch vụ*

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày khóa sổ lập báo cáo tài chính của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- *Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;*
- *Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;*
- *Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;*
- *Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.*

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- *Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;*
- *Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.*

Chi phí hoạt động sản xuất kinh doanh phát sinh, có liên quan đến việc hình thành doanh thu trong năm được tập hợp theo thực tế và ước tính đúng kỳ kế toán.

Chi phí tài chính bao gồm các khoản chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư, lãi vay, chênh lệch tỷ giá thanh toán. Chi phí lãi vay được ghi nhận theo số thông báo của ngân hàng đến thời điểm cuối năm tài chính.

4.11 BÊN LIÊN QUAN

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Bên liên quan bao gồm:

- Những doanh nghiệp có quyền kiểm soát, hoặc bị kiểm soát trực tiếp hoặc gián tiếp thông qua một hoặc nhiều bên trung gian, hoặc dưới quyền bị kiểm soát chung với Công ty gồm Công ty mẹ, các công ty con cùng tập đoàn, các bên liên doanh, cơ sở kinh doanh được đồng kiểm soát, các công ty liên kết;
- Các cá nhân có quyền trực tiếp hoặc gián tiếp biểu quyết ở các doanh nghiệp báo cáo dẫn đến có ảnh hưởng đáng kể tới doanh nghiệp này, các nhân viên quản lý chủ chốt có quyền và trách nhiệm về việc lập kế hoạch, quản lý và kiểm soát các hoạt động của Công ty kể cả các thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;
- Các doanh nghiệp do các cá nhân được nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp quyền biểu quyết hoặc người đó có thể có ảnh hưởng đáng kể tới doanh nghiệp.

Khi xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú ý tới chứ không phải chỉ hình thức pháp lý của các quan hệ đó. Theo đó, tất cả các giao dịch và số dư với các bên liên quan phát sinh trong năm được Công ty trình bày tại các thuyết minh dưới đây.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

5. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	31/12/2023	01/01/2023
	VND	VND
- Tiền mặt	173.107.493	50.996.012
- Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	145.502.291	1.900.191.168
	318.609.784	1.951.187.180

6. PHẢI THU KHÁCH HÀNG

	31/12/2023	01/01/2023
	VND	VND
Ngắn hạn	53.296.513.598	53.845.036.074
- Công ty CP Đầu tư Xây dựng Phát triển Việt Tiệp	2.880.000.000	5.332.704.000
- Công ty TNHH kinh doanh Á Việt	4.817.755.000	4.817.755.000
- Công ty TNHH Hitachi Energy Việt Nam	2.469.800.548	4.244.360.536
- Công ty CP Đầu tư và Xây dựng Sông Đà Thuận Phát	2.361.494.000	3.261.494.000
- Công ty TNHH Trường Long	3.707.477.120	2.628.800.000
- Công ty CP bê tông Biên Hòa	2.027.900.400	2.032.900.400
- Công ty CP bê tông THQ	1.825.770.000	1.825.770.000
- Công ty TNHH Thương mại - Sản xuất A&D Việt Nam	1.700.000.000	1.700.000.000
- Công ty CP công nghệ TM Huệ Quang	1.522.950.705	1.522.950.705
- Công ty CP Hang Sang	1.418.000.000	1.418.000.000
- Công ty CP Tập đoàn XD & Thiết bị Công nghiệp	1.144.608.000	1.011.210.579
- Công ty CP công nghiệp XD Toàn Phát	1.326.407.000	1.326.407.000
- Công ty cổ phần đầu tư và phát triển hạ tầng Toàn Cầu	1.321.676.000	1.321.676.000
- Công ty CP đầu tư và xây dựng Thiên Mã	2.562.252.000	-
- Công ty CP bê tông Bút Sơn HP	2.242.082.819	-
- Công ty TNHH Hitachi Energy Việt Nam-CN Bắc Ninh	2.181.303.973	-
- Các đối tượng khác	15.070.629.033	21.401.007.854
	53.296.513.598	53.845.036.074
Phải thu khách hàng là các bên liên quan	1.396.728.000	1.227.855.415
(Chi tiết tại thuyết minh số 28)		

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

7. CÁC KHOẢN PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC

	31/12/2023		01/01/2023	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
Ngắn hạn	700.373.000	-	511.373.000	-
- Các khoản tạm ứng	675.373.000	-	481.373.000	-
- Phải thu khác	25.000.000	-	30.000.000	-
	700.373.000	-	511.373.000	-

8. NỢ XẤU

	31/12/2023		01/01/2023	
	Giá gốc VND	Giá trị có thể thu hồi VND	Giá gốc VND	Giá trị có thể thu hồi VND
Tổng giá trị các khoản phải thu, cho vay quá hạn hoặc chưa quá hạn nhưng khó có khả năng thu hồi	22.438.126.790	-	9.049.025.740	-
- Công ty TNHH Kinh doanh Á Việt	4.817.755.000	-	4.817.755.000	-
- Công ty CP Thương mại Huệ Quang	1.522.950.705	-	1.072.950.705	-
- Công ty CP Sông Đà Đông Đô	870.000.000	-	870.000.000	-
- Công ty CP Xây dựng và Dịch vụ Vạn Xuân	423.711.050	-	423.711.050	-
- Công ty CP bê tông THQ	1.825.770.000	-	-	-
- Công ty CP Hang Sang	1.418.000.000	-	-	-
- Công ty CP công nghiệp XD Toàn Phát	1.326.407.000	-	-	-
- Công ty cổ phần đầu tư và phát triển hạ tầng Toàn Cầu	1.321.676.000	-	-	-
- Công ty CP đầu tư và phát triển An Tiến	854.250.000	-	-	-
- Công ty CP Vĩnh Thanh JMC	676.272.000	-	-	-
- Công ty TNHH Xuân Dũng 69	580.000.000	-	-	-
- Công ty TNHH H&P	523.294.000	-	-	-
- Các đối tượng khác	6.278.041.035	-	1.864.608.985	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

9. HÀNG TỒN KHO

	31/12/2023		01/01/2023	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
- Nguyên liệu, vật liệu	5.187.744.658	-	12.177.073.925	-
- Công cụ, dụng cụ	45.405.000	-	50.774.500	-
- Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	116.169.046.522	-	119.035.831.004	-
- Hàng hoá	1.081.029.564	-	3.728.620.473	-
	122.483.225.744	-	134.992.299.902	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

10. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

Khoản mục	Phần mềm máy vi tính VND	TSCĐ vô hình khác VND	Tổng cộng VND
Nguyên giá TSCĐ vô hình			
01/01/2023	300.000.000	2.698.068.098	2.998.068.098
31/12/2023	300.000.000	2.698.068.098	2.998.068.098
Giá trị hao mòn lũy kế			
01/01/2023	142.000.000	2.698.068.098	2.840.068.098
- Khấu hao trong năm	30.000.000	-	30.000.000
31/12/2023	172.000.000	2.698.068.098	2.870.068.098
Giá trị còn lại của TSCĐ vô hình			
01/01/2023	158.000.000	-	158.000.000
31/12/2023	128.000.000	-	128.000.000

Nguyên giá Tài sản cố định vô hình đã hết khấu hao nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31/12/2023 là: 2.698.068.098 (tại 01/01/2023 là: 2.698.068.098 đồng).

11. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	31/12/2023 VND	01/01/2023 VND
Ngắn hạn	-	3.021.669
- Chi phí bảo hiểm tai nạn		3.021.669
Dài hạn	4.155.244.411	4.560.534.171
- Chi phí chờ phân bổ	78.330.727	221.194.465
- Tiền thuê cơ sở hạ tầng khu CN Quang Minh	2.576.913.684	2.709.069.840
- Chi phí tư vấn đổi mới khoa học công nghệ (*)	1.500.000.000	1.500.000.000
- Chi phí sử dụng đất phi Nông nghiệp	-	130.269.866
	4.155.244.411	4.563.555.840

(*): Chi phí tư vấn lập Dự án Đổi mới công nghệ sản xuất trạm trộn bê tông không thể triển khai tiếp do không đủ vốn đối ứng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

12. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải truyền dẫn	Thiết bị dụng cụ quản lý	TSCĐ khác	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
NGUYÊN GIÁ						
01/01/2023	29.886.309.898	7.836.359.325	4.928.554.679	167.600.000	96.000.000	42.914.823.902
- Thanh lý, nhượng bán		-	(264.410.545)	-	-	(264.410.545)
31/12/2023	29.886.309.898	7.836.359.325	4.664.144.134	167.600.000	96.000.000	42.650.413.357
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ						
01/01/2023	23.453.631.387	7.705.837.803	2.824.529.817	151.410.664	96.000.000	34.231.409.671
- Khấu hao trong năm	788.391.420	292.069.692	338.217.977	9.444.444	-	1.428.123.533
- Phân loại lại	-	(1.224.892.122)	1.224.892.122	-	-	-
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	(264.410.545)	-	-	(264.410.545)
31/12/2023	24.242.022.807	6.773.015.373	4.123.229.371	160.855.108	96.000.000	35.395.122.659
GIÁ TRỊ CÒN LẠI						
01/01/2023	6.432.678.511	130.521.522	2.104.024.862	16.189.336	-	8.683.414.231
31/12/2023	5.644.287.091	1.063.343.952	540.914.763	6.744.892	-	7.255.290.698

Nguyên giá TSCĐ hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31/12/2023 là: 22.090.651.900 đồng (tại 01/01/2023: 20.298.044.627 đồng).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

13. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

	31/12/2023		01/01/2023	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Đầu tư tài chính dài hạn	2.701.640.000	-	2.701.640.000	-
<i>Đầu tư vào Công ty liên kết, liên doanh</i>	<i>2.300.000.000</i>	-	<i>2.300.000.000</i>	-
- Công ty TNHH Chế tạo máy và Thiết bị Công nghiệp CIE 2 (*)	2.300.000.000	-	2.300.000.000	-
<i>Đầu tư vào Đơn vị khác</i>	<i>401.640.000</i>	-	<i>401.640.000</i>	-
- Công ty CP Kinh doanh Vật tư và Xây dựng (**)	352.500.000	-	352.500.000	-
- Công ty CP Đầu tư và Phát triển CCV	49.140.000	-	49.140.000	-

(*): Là khoản góp vốn vào Công ty TNHH Chế tạo máy và Thiết bị Công nghiệp CIE2 với tỷ lệ sở hữu của Công ty Cổ phần Xây dựng và Thiết bị Công nghiệp CIE1 trên tổng số vốn điều lệ là 46%.

(**): Là khoản góp vốn vào Công ty CP Kinh doanh Vật tư và Xây dựng với tỷ lệ góp vốn của Công ty Cổ phần Xây dựng và Thiết bị Công nghiệp CIE1 trên tổng số vốn điều lệ là 0,9%.

14. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	31/12/2023	Số phải nộp trong năm	Số đã nộp trong năm	01/01/2023
	VND	VND	VND	VND
Phải nộp	1.036.039.709	6.110.449.150	6.351.533.049	1.277.123.608
- Thuế giá trị gia tăng đầu ra	929.030.516	5.971.769.658	5.696.030.040	653.290.898
- Thuế xuất, nhập khẩu	-	27.040.245	27.040.245	-
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	-	508.037.419	508.037.419
- Thuế thu nhập cá nhân	107.009.193	108.639.247	117.425.345	115.795.291
- Thuế môn bài	-	3.000.000	3.000.000	-
	1.036.039.709	6.110.449.150	6.351.533.049	1.277.123.608

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

15. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN

	31/12/2023		01/01/2023	
	Giá trị	Số có khả	Giá trị	Số có khả
	VND	năng trả nợ VND	VND	năng trả nợ VND
Ngắn hạn	20.040.960.220	20.040.960.220	29.566.151.815	29.566.151.815
- Công ty Cổ phần Cơ khí 1-5	-	-	209.287.798	209.287.798
- Công ty TNHH Hoàng Phát	1.436.369.683	1.436.369.683	1.436.369.683	1.436.369.683
- Công ty TNHH Thành Đăng	1.330.215.000	1.330.215.000	2.350.125.000	2.350.125.000
- Công ty CP thép Mê Lin	2.067.676.402	2.067.676.402	2.291.213.144	2.291.213.144
- Công ty Cổ phần 3B	1.264.403.250	1.264.403.250	2.020.734.924	2.020.734.924
- Công ty TNHH một thành viên cơ khí Z179	1.290.977.700	1.290.977.700	1.299.398.000	1.299.398.000
- Công ty TNHH MTV Cơ khí Mê Linh	800.728.357	800.728.357	1.034.982.095	1.034.982.095
- Công ty TNHH Kim khí Chương Dương	1.138.135.528	1.138.135.528	3.657.139.450	3.657.139.450
- Công ty TNHH TM & XL Điện Việt Nhật	590.307.400	590.307.400	1.983.084.120	1.983.084.120
- Công ty TNHH SX DV & TM thép Việt Anh	2.653.414.524	2.653.414.524	2.503.515.031	2.503.515.031
- Các đối tượng khác	7.468.732.376	7.468.732.376	10.780.302.570	10.780.302.570
	20.040.960.220	20.040.960.220	29.566.151.815	29.566.151.815
Phải trả người bán là các bên liên quan	1.264.403.250	1.264.403.250	2.277.002.722	2.277.002.722
(Chi tiết tại thuyết minh số 28)				

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

16. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH

	31/12/2023		Trong năm		01/01/2023	
	Giá trị	Số có khả năng	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng
	VND	trả nợ VND	VND	VND	VND	trả nợ VND
Ngắn hạn	46.738.875.877	46.738.875.877	67.297.377.650	66.101.639.730	45.543.137.957	45.543.137.957
- Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Mỹ Đình (1)	38.611.875.877	38.611.875.877	63.497.377.650	63.671.639.730	38.786.137.957	38.786.137.957
- Vay ngắn hạn các cá nhân	8.127.000.000	8.127.000.000	3.800.000.000	2.430.000.000	6.757.000.000	6.757.000.000
Dài hạn	170.000.000	170.000.000	-	15.000.000	185.000.000	185.000.000
- Vay dài hạn các cá nhân	170.000.000	170.000.000	-	15.000.000	185.000.000	185.000.000
	46.908.875.877	46.908.875.877	67.297.377.650	66.116.639.730	45.728.137.957	45.728.137.957

(1): Là khoản vay theo Hợp đồng tín dụng hạn mức số 01/2023/13117513/HĐTD ngày 26/09/2023 giữa Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Mỹ Đình với Công ty CP Xây dựng và Thiết bị Công nghiệp CIE1, hạn mức cho vay theo Hợp đồng này tại mọi thời điểm không vượt quá 50.000.000.000 VNĐ,

- Mục đích cho vay: bổ sung vốn lưu động, phát hành bảo lãnh, mở L/C phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh;

- Thời hạn cấp hạn mức: 12 tháng kể từ ngày ký Hợp đồng;

- Thời hạn cho vay/thời hạn bảo lãnh, thời hạn L/C, lãi suất, phí được xác định theo từng Hợp đồng tín dụng cụ thể, Hợp đồng cấp bảo lãnh cụ thể, L/C được phát hành được ký kết giữa Ngân hàng và Khách hàng.

- Tài sản đảm bảo: Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và các tài sản khác gắn liền với đất tại địa chỉ NQ17-32, khu đô thị sinh thái Vinhomes Riverside 2, phường Việt Hưng, quận Long Biên, thành phố Hà Nội theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số CO 999307, số vào sổ cấp GCN: CS 61857 do Sở Tài nguyên và Môi trường thành phố Hà Nội cấp ngày 14/12/2018 chủ sở hữu là Ông Tạ Đình Lân - Tổng Giám đốc.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

17. CHI PHÍ PHẢI TRẢ

	31/12/2023	01/01/2023
	VND	VND
Ngắn hạn	60.195.137	100.354.532
- Lãi vay phải trả	60.195.137	100.354.532

18. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỘP KHÁC

	31/12/2023	01/01/2023
	VND	VND
Ngắn hạn	11.293.357.455	8.791.513.728
- Kinh phí công đoàn	695.074.520	815.283.020
- Bảo hiểm xã hội	2.751.563.004	2.256.704.653
- Bảo hiểm y tế	37.779.300	42.241.950
- Bảo hiểm thất nghiệp	16.269.400	18.647.200
- Cổ tức, lợi nhuận phải trả	3.000.000.000	-
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	4.792.671.231	5.658.636.905
	11.293.357.455	8.791.513.728

19. VỐN CHỦ SỞ HỮU

Vốn điều lệ của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh là 60.000.000.000 đồng, chia thành 6.000.000 cổ phần với mệnh giá 10.000 đồng/cổ phần, trong đó chi tiết như sau:

	31/12/2023	01/01/2023
	VND	VND
- Công ty CP Tập đoàn Xây dựng và Thiết bị Công nghiệp	32.400.000.000	32.400.000.000
- Vốn góp của các đối tượng khác	27.600.000.000	27.600.000.000
	60.000.000.000	60.000.000.000

19.1 CÁC GIAO DỊCH VỀ VỐN VỚI CÁC CHỦ SỞ HỮU

	Năm 2023	Năm 2022
	VND	VND
- Vốn góp đầu năm	60.000.000.000	60.000.000.000
- Vốn góp cuối năm	60.000.000.000	60.000.000.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

19.2 CỐ PHIẾU

	31/12/2023	01/01/2023
	CP	CP
- Số lượng cổ phiếu được đã đăng ký phát hành	6.000.000	6.000.000
- Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	6.000.000	6.000.000
+ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	6.000.000	6.000.000
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	6.000.000	6.000.000
+ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	6.000.000	6.000.000
* Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (VND/CP)	10.000	10.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

19.3 BẢNG ĐỐI CHIẾU BIẾN ĐỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU

Khoản mục	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND	VND
01/01/2022	60.000.000.000	3.271.900.000	17.500.000.000	5.801.051.417	86.572.951.417
- Lãi trong năm	-	-	-	1.779.018.674	1.779.018.674
- Chia cổ tức	-	-	-	-	-
31/12/2022	60.000.000.000	3.271.900.000	17.500.000.000	7.580.070.091	88.351.970.091
01/01/2023	60.000.000.000	3.271.900.000	17.500.000.000	7.580.070.091	88.351.970.091
- Lãi trong năm	-	-	-	(11.249.128.231)	(11.249.128.231)
- Chia cổ tức (*)	-	-	-	(3.000.000.000)	(3.000.000.000)
- Tăng(giảm) khác (*)	-	-	(17.500.000.000)	17.500.000.000	-
- Trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi (*)	-	-	-	(300.000.000)	(300.000.000)
31/12/2023	60.000.000.000	3.271.900.000	-	10.530.941.860	73.802.841.860

(*) Trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi, chia cổ tức và điều chỉnh phương án phân phối lợi nhuận khác để kết chuyển số dư Quỹ Đầu tư phát triển sang số dư lợi nhuận chưa phân phối lên bảng cân đối kế toán theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 01/2023/NQ-ĐHĐCĐ ngày 15/06/2023 của Công ty Cổ phần Xây dựng và Thiết bị Công nghiệp CIE1.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

20. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
- Doanh thu bán thành phẩm	81.100.250.579	106.862.123.452
- Doanh thu cung cấp dịch vụ	14.343.670.959	18.532.526.611
- Doanh thu bán phế liệu	505.845.500	484.679.364
	95.949.767.038	125.879.329.427
Doanh thu với các bên liên quan (Chi tiết tại thuyết minh số 28)	3.031.200.000	294.000.000

21. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
- Giá vốn bán thành phẩm	71.546.829.831	96.809.180.892
- Giá vốn cung cấp dịch vụ	12.113.924.310	16.158.300.204
- Giá vốn bán phế liệu	394.639.359	48.152.601
	84.055.393.500	113.015.633.697

22. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
- Lãi tiền gửi, tiền cho vay	1.329.331	1.083.283
- Cổ tức, lợi nhuận được chia	-	4.500.000
- Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm	408.436.505	109.248.350
- Lãi chênh lệch tỷ giá đánh giá lại	1.279.593	-
	411.045.429	114.831.633

23. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
- Chi phí lãi vay ngân hàng	3.360.424.573	2.777.660.439
- Chi phí lãi vay cá nhân	667.694.001	577.560.000
- Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm	56.312.095	62.610.858
- Lỗ chênh lệch tỷ giá đánh giá lại	-	715.721
	4.084.430.669	3.418.547.018

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

24. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP, CHI PHÍ BÁN HÀNG

	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp	18.919.282.739	5.803.485.772
- Chi phí nhân viên quản lý	2.055.196.582	1.990.553.291
- Chi phí vật liệu quản lý	582.924.049	905.940.231
- Chi phí đồ dùng Văn phòng	174.411.587	164.111.595
- Chi phí khấu hao TSCĐ	240.812.513	307.185.168
- Chi phí thuế, phí và lệ phí	100.930.629	112.106.838
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.887.897.025	1.957.580.424
- Chi phí dự phòng	13.389.101.050	-
- Chi phí khác bằng tiền	488.009.304	366.008.225
Các khoản chi phí bán hàng	470.416.917	541.744.313
- Chi phí bảo hành sản phẩm	470.416.917	541.744.313
	19.389.699.656	6.345.230.085

25. CHI PHÍ KHÁC

	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
- Chi phí phạt thuế, bảo hiểm	337.734.053	613.074.754
- Các khoản phạt hành chính	68.475.000	80.720.000
- Các khoản phạt kinh tế	10.293.270	595.413
- Các khoản chi phí khác	233.304.000	233.304.000
	649.806.323	927.694.167

26. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
- Chi phí nguyên vật liệu	46.941.095.399	82.595.739.524
- Chi phí nhân công	27.004.744.014	29.924.114.294
- Khấu hao tài sản cố định	1.458.123.533	1.484.325.514
- Chi phí đồ dùng văn phòng	174.411.587	164.111.595
- Thuế phí, lệ phí	100.930.629	112.106.838
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	6.964.535.239	12.461.037.145
- Chi phí bằng tiền khác	1.808.029.354	2.742.611.824
- Chi phí dự phòng	13.389.101.050	-
	97.840.970.805	129.484.046.734

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

27. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	(11.249.128.231)	1.779.018.674
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	(11.249.128.231)	1.779.018.674
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong nă	6.000.000	6.000.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	(1.875)	297

28. THÔNG TIN VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Mối quan hệ của Công ty với các bên liên quan phát sinh trong năm 2023 bao gồm:

Bên liên quan	Mối quan hệ
Công ty CP Tập đoàn Xây dựng và Thiết bị Công nghiệp	Công ty mẹ
Công ty TNHH Chế tạo máy và Thiết bị Công nghiệp CIE2	Cùng Công ty mẹ
Công ty CP Thương mại Kim Hoa	Cùng Công ty mẹ
Viện Cơ Điện tử CIE	Cùng Công ty mẹ
Công ty Cổ phần 3B	Công ty liên kết của Công ty mẹ
Công ty CP Kinh doanh Vật tư và Xây dựng (CMC)	Chủ tịch HĐQT của Công ty là Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc Công ty CMC
Ông Lê Quốc Tuấn	Chủ tịch Hội đồng Quản trị (Miễn nhiệm ngày 15/06/2023)
Ông Đỗ Văn Vũ	Chủ tịch Hội đồng Quản trị (Bỏ nhiệm ngày 15/06/2023)
Ông Vũ Trọng Hiến	Thành viên Hội đồng Quản trị
Ông Trương Minh Khôi	Thành viên Hội đồng Quản trị (Miễn nhiệm ngày 15/06/2023)
Ông Tạ Đình Lân	Thành viên Hội đồng Quản trị (Bỏ nhiệm ngày 15/06/2023)
Ông Tạ Đình Lân	Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Hùng Sơn	Phó Tổng Giám đốc
Ông Phan Trọng Phụng	Phó Tổng Giám đốc (Miễn nhiệm ngày 15/06/2023)
Ông Đinh Trường Giang	Phó Tổng Giám đốc (Bỏ nhiệm ngày 30/06/2023)
Ông Hoàng Anh Sơn	Phó Tổng Giám đốc (Bỏ nhiệm ngày 30/06/2023)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

28.1 GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
Doanh thu với bên liên quan	3.031.200.000	294.000.000
- Công ty CP Tập đoàn Xây dựng và Thiết bị Công nghiệp	3.031.200.000	-
- Công ty TNHH Chế tạo máy và Thiết bị Công nghiệp CIE2	-	294.000.000
Mua hàng từ bên liên quan	637.464.629	1.359.269.429
- Công ty CP Tập đoàn Xây dựng và Thiết bị Công nghiệp	266.880.129	278.636.429
- Viện Cơ Điện tử CIE	-	43.500.000
- Công ty Cổ phần 3B	370.584.500	1.037.133.000
Chi trả cổ tức	1.620.000.000	-
- Công ty CP Tập đoàn Xây dựng và Thiết bị Công nghiệp	1.620.000.000	-

Sử dụng tài sản bên liên quan đảm bảo cho khoản vay

Ông Tạ Đình Lân – thành viên hội đồng quản trị - Tổng Giám đốc đã dùng tài sản là Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và các tài sản khác gắn liền với đất tại địa chỉ NQ17-32, khu đô thị sinh thái Vinhomes Riverside 2, phường Việt Hưng, quận Long Biên, thành phố Hà Nội theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số CO 999307, số vào sổ cấp GCN: CS 61857 do Sở Tài nguyên và Môi trường thành phố Hà Nội cấp ngày 14/12/2018 để đảm bảo cho khoản vay theo hợp đồng tín dụng số 01/2023/13117513/HĐTD ngày 26/09/2023 với Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam (Xem tại Thuyết minh số 16).

28.2 SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

	31/12/2023 VND	01/01/2023 VND
Phải thu khách hàng	1.396.728.000	1.227.855.415
- Công ty CP Tập đoàn Xây dựng và Thiết bị Công nghiệp	1.144.608.000	975.735.415
- Viện Cơ Điện tử CIE	252.120.000	252.120.000
Phải trả người bán	1.264.403.250	2.277.002.722
- Công ty Cổ phần Cơ khí 1-5	-	209.287.798
- Công ty Cổ phần 3B	1.264.403.250	2.020.734.924
- Viện Cơ Điện tử CIE	-	46.980.000
Các khoản phải trả khác	2.772.000.000	-
- Công ty CP Tập đoàn Xây dựng và Thiết bị Công nghiệp	1.620.000.000	-
- Công ty TNHH Chế tạo máy và Thiết bị Công nghiệp CIE2	1.152.000.000	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

28.3 THU NHẬP CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN GIÁM ĐỐC

		Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
Tổng thu nhập của Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc			
Hội đồng Quản trị			
- Ông Lê Quốc Tuấn	Chủ tịch Hội đồng Quản trị (Miễn nhiệm ngày 15/06/2023)	156.000.000	156.000.000
- Ông Đỗ Văn Vũ	Chủ tịch Hội đồng Quản trị (Bổ nhiệm ngày 15/06/2023)	30.000.000	60.000.000
- Ông Vũ Trọng Hiến	Thành viên Hội đồng Quản trị	30.000.000	-
- Ông Trương Minh Khôi	Thành viên Hội đồng Quản trị (Miễn nhiệm ngày 15/06/2023)	48.000.000	48.000.000
- Ông Tạ Đình Lân	Thành viên Hội đồng Quản trị (Bổ nhiệm ngày 15/06/2023)	24.000.000	48.000.000
- Ông Tạ Đình Lân	Thành viên Hội đồng Quản trị (Bổ nhiệm ngày 15/06/2023)	24.000.000	-
Ban Giám đốc			
- Ông Tạ Đình Lân	Tổng Giám đốc	1.214.664.836	1.172.849.745
- Ông Nguyễn Hùng Sơn	Phó Tổng Giám đốc	403.327.546	439.164.364
- Ông Phan Trọng Phương	Phó Tổng Giám đốc (Miễn nhiệm ngày 15/06/2023)	324.395.546	374.529.000
- Ông Đinh Trường Giang	Phó Tổng Giám đốc (Bổ nhiệm ngày 30/06/2023)	189.051.909	359.156.381
- Ông Hoàng Anh Sơn	Phó Tổng Giám đốc (Bổ nhiệm ngày 30/06/2023)	148.946.363	-
		148.943.472	-
		1.370.664.836	1.328.849.745

29. SỰ KIẾN SAU NGÀY KẾT THÚC NIÊN ĐỘ

Theo Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông bất thường năm 2024 số 01/2024/NQ-ĐHĐCĐ ngày 03/02/2024 của Công ty Cổ phần Xây dựng và Thiết bị Công nghiệp CIE1, Đại Hội đồng Cổ đông quyết định thông qua các vấn đề sau:

- Thông qua việc hủy tư cách Công ty đại chúng
- Thông qua việc hủy đăng ký giao dịch cổ phiếu trên hệ thống giao dịch UPCOM và việc hủy đăng ký chứng khoán sau khi Công ty hủy tư cách công ty đại chúng
- Ủy quyền cho HĐQT thực hiện các thủ tục cần thiết để nộp hồ sơ hủy tư cách công ty đại chúng với UBCKNN, hủy giao dịch cổ phiếu trên hệ thống giao dịch UPCOM với HNX và hủy đăng ký chứng khoán tại VSDC

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

30. SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022 của Công ty Cổ phần Xây dựng và Thiết bị Công nghiệp CIE1 đã được kiểm toán.

Hà Nội, ngày 29 tháng 3 năm 2024

Người lập

Lê Thị Hoa

Phụ trách kế toán

Phạm Thị Thu Trang

